

Số: 71 /2017/NQ-HĐND

Long An, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp được ban hành kèm theo Nghị quyết số 254/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Thực hiện Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04/3/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 254/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp được ban hành kèm theo Nghị quyết số 254/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Bổ sung vào khoản 3, mục III, phần II, chỉ tiêu:

Phấn đấu đến năm 2020 có 13 HTX điểm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (6 HTX trên cây lúa, 4 HTX trên cây rau, 1 HTX trên cây thanh long và 02 HTX trên con bò thịt).

2. Bổ sung mục “V. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” vào sau mục IV, phần II:

“V. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng được hỗ trợ phải cam kết sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Ứng dụng một trong các kỹ thuật canh tác tiên tiến như: Sử dụng giống đạt tiêu chuẩn cấp xác nhận (lúa), ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch nông sản, công nghệ tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác cây trồng quy mô hàng hóa, công nghệ tự động hóa, bán tự động trong quá trình chăn nuôi, ứng dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động, ứng dụng công nghệ nhà lưới, nhà màng, nhà kính có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động (rau), ứng dụng công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM);...

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư, hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa với nông dân, THT, HTX trong vùng thực hiện Đề án.

- Doanh nghiệp nông nghiệp có định hướng xây dựng doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Nội dung hỗ trợ:

a. Hỗ trợ một phần chi phí mua vật tư sản xuất cho các THT, HTX chuyển đổi sản xuất theo hướng an toàn, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao vào sản xuất:

- Hỗ trợ chi phí mua vật tư sản xuất trong 3 năm liên tiếp cho HTX chuyển đổi sản xuất theo hướng sạch, hữu cơ:

+ Năm thứ nhất: Hỗ trợ 70% tổng chi phí mua vật tư sản xuất nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/HTX. Riêng HTX điểm thì mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/HTX.

+ Năm thứ hai: Hỗ trợ 50% tổng chi phí mua vật tư sản xuất nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 140 triệu đồng/HTX. Riêng HTX điểm thì mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/HTX.

+ Năm thứ ba: Hỗ trợ 30% tổng chi phí mua vật tư sản xuất nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 75 triệu đồng/HTX. Riêng HTX điểm thì mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/HTX.

- Hỗ trợ một phần chi phí mua máy sản xuất nông nghiệp, ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất:

+ THT, HTX được hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

+ THT, HTX được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua máy móc thiết bị cơ giới nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 75 triệu đồng/THT, 100 triệu đồng/HTX đối với các loại máy có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên. Riêng HTX điểm thì mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/HTX.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm: Hỗ trợ một lần 50% chi phí cho THT, HTX xây dựng mô hình điểm ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/mô hình/THT, HTX. Riêng HTX điểm thì mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/HTX.

- Hỗ trợ nhân rộng mô hình: Hỗ trợ một lần 50% chi phí THT, HTX thực hiện nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất trên cùng địa bàn nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 140 triệu đồng/mô hình/THT, HTX.

b. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi bò thịt:

- Hỗ trợ chuyển sang giống bò thịt chất lượng cao: Hỗ trợ 10 triệu đồng/con bò cái sinh sản 12 tháng tuổi trở lên cho các cơ sở chăn nuôi có quy mô từ 10 con bò cái sinh sản trở lên chuyển sang giống bò thịt chất lượng cao nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ liệu tinh bò thịt chất lượng cao: Hỗ trợ 100% kinh phí liệu tinh bò chất lượng cao nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 80.000 đồng/liệu tinh, tối đa không quá 02 liều/con/năm.

- Hỗ trợ xử lý chất thải trong chăn nuôi: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình khí sinh học hoặc giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/công trình/cơ sở chăn nuôi.

c. Hỗ trợ lãi suất vốn vay:

Hỗ trợ 100% mức chênh lệch lãi suất vốn vay trong hạn của ngân hàng thương mại so với lãi suất cho vay từ Quỹ ưu đãi vay vốn (Quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ phát triển hợp tác xã...) trong cùng thời điểm trong 3 năm đầu tiên đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư vào vùng triển khai đề án (khi dự án đi vào hoạt động), tối đa không quá 6 tháng đối với doanh nghiệp có hợp đồng thu mua hàng hóa cho nông dân, THT, HTX.

d. Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm:

- Hỗ trợ một lần trong năm 100% chi phí mua vé máy bay tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài, mức hỗ trợ 01 người/THT, HTX, doanh nghiệp;

- Hỗ trợ một lần trong năm 50% chi phí thuê gian hàng cho THT, HTX, doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong nước.

đ. Hỗ trợ đầu tư đổi mới trang thiết bị, dụng cụ hiện đại, nghiên cứu cải tiến, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới:

Hỗ trợ 50% cho các HTX, doanh nghiệp chi phí đầu tư đổi mới trang thiết bị, dụng cụ hiện đại, nghiên cứu cải tiến, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng công

nghe cao, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

e. Hỗ trợ xây dựng nhà lưới, nhà màng, nhà kính:

Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng nhà lưới, nhà màng, nhà kính cho các THT, HTX, doanh nghiệp có dự án sản xuất rau an toàn, quy mô dự án từ 02 hecta trở lên.

- Xây dựng nhà lưới: Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ THT, HTX, doanh nghiệp.

- Xây dựng nhà màng: Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/THT, HTX, doanh nghiệp.

- Xây dựng nhà kính: Mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/THT, HTX, doanh nghiệp.”

3. Sửa đổi, bổ sung phụ lục 4 Khái toán tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án (giai đoạn 2016-2020).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp áp dụng kể từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2017./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp – Phát triển nông thôn;
- TT.TU (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng Công báo - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 4.1

Dự toán kinh phí các nội dung thực hiện Đề án, không bao gồm nội dung mục V: Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Giai đoạn 2018-2020)

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Nhu cầu vốn				
	Tổng	Vốn Ngân sách nhà nước			Vốn khác (Dân, doanh nghiệp...)
		Tổng	SN	ĐTPT	
I. Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao 20.000 ha	11.400	1.400	1.400	0	10.000
1. Xây dựng hồ thu gom bao bì thuốc BVTV	600	600	600	0	
2. Đào tạo cán bộ kỹ thuật, tập huấn chuyển giao kỹ thuật canh tác lúa bền vững	10.800	800	800	0	10.000
II. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao 2000 ha	12.077	4.910	4.910	0	7.167
1. Hỗ trợ chi phí THT, HTX, doanh nghiệp có vùng sản xuất đạt chứng nhận GAP, rau xác nhận an toàn, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	8.200	2.200	2.200	0	6.000
3. Hỗ trợ chi phí test mẫu đất, nước định kỳ; thu mẫu sản phẩm và giám sát cảnh báo an toàn sản phẩm	2.210	2.210	2.210	0	
2. Hỗ trợ xây dựng mô hình vườn ươm trên rau	1.667	500	500	0	1.167
III. Vùng sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao	1.340	1.340	1.340	0	0
1. Hỗ trợ chi phí THT, HTX, doanh nghiệp có vùng sản xuất đạt chứng nhận GAP.	1.100	1.100	1.100	0	
2. Xây dựng hồ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV (xây dựng 10 hố/năm, tổng cộng 50 hố)	240	240	240	0	
IV. Vùng chăn nuôi bò thịt	1.700	1.000	1.000	0	700
1. Hỗ trợ cho doanh nghiệp, HTX có vùng sản xuất đạt chứng nhận GAP.	700	700	700	0	
2. Hỗ trợ xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm thịt an toàn về Tp. HCM	1.000	300	300	0	700

Nội dung	Nhu cầu vốn				
	Tổng	Vốn Ngân sách nhà nước			Vốn khác (Dân, doanh nghiệp,...)
		Tổng	SN	ĐTPT	
V. Xây dựng doanh nghiệp nông nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp NN công nghệ cao	3.000	3.000	3.000	0	0
1, Hỗ trợ chi phí doanh nghiệp đạt chứng nhận GAP, HACCP,...	3.000	3.000	3.000	0	
VI. Đào tạo nguồn nhân lực KHCN	8.100	4.100	4.100		4.000
VII. Đầu tư	19.000	19.000	19.000	0	0
1. Đầu tư nâng cao năng lực cho công tác giống	19.000	19.000	19.000	0	
VIII. Truyền thông, quảng bá nhân rộng mô hình	1.100	1.100	1.100		
IX. Xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu thương hiệu	35.000	5.000	5.000	0	30.000
X. Kinh phí hoạt động	2.000	2.000	2.000	0	
TỔNG CỘNG	94.717	42.850	42.850	0	51.867
Trong đó:					
- Vốn lồng ghép Dự án VnSAT	10.800	800	800	0	10.000
- Vốn KHCN (đã được ghi vốn)	8.100	4.100	4.100	0	4.000
Còn lại	75.817	37.950	37.950	0	37.867


CHỦ TỊCH
Phạm Văn Rạng

PHỤ LỤC 4.2

Dự toán kinh phí mục V: Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

DVT: triệu đồng

STT	Hạng mục hỗ trợ	Đơn giá			Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					Tổng giai đoạn 2018-2020	Nguồn vốn	
					Số lượng				Thành tiền	Số lượng				Thành tiền	Số lượng				Thành tiền			
		cơ sở (hoặc liệu)	THT	HTX	liệu	THT	HTX	DN/ cơ sở		liệu	THT	HTX	DN/ cơ sở		liệu	THT	HTX	DN/ cơ sở				
I	Hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi sản xuất theo hướng an toàn, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất																					
1	Hỗ trợ HTX chuyển đổi sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ trong sản xuất trong 03 năm liên tiếp		100	200			5		700			3		770					595	2.065		
	Hỗ trợ HTX điểm chuyển đổi sản xuất theo hướng an toàn, sạch, hữu cơ trong 03 năm liên tiếp			300			5		1.500			3		900					1.100	3.500		
2	Hỗ trợ THT, HTX mua máy móc thiết bị cơ giới		75	100		6	7		1.150		3	14		1.625					0	2.775		
	Hỗ trợ HTX điểm mua máy móc thiết bị cơ giới			150			13		1.950					0					0	1.950		
3	Hỗ trợ HTX xây dựng mô hình điểm ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất			200			43		8.600			4		800					0	9.400		
	Hỗ trợ HTX điểm xây dựng mô hình điểm ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất			300			7		2.100			6		1.800					0	3.900		
4	Hỗ trợ HTX triển khai nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất			140			150		21.000			175		24.500			25		3.500	49.000	Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp,	
II	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi bò thịt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao																		0			
1	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi chuyển đổi sang giống bò thịt chất lượng cao	200						4	800				3	600					0	1.400		
2	Hỗ trợ tinh bò chất lượng cao	0,08			4.000				320	5.000				400	3.000				240	960		

Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp,

STT	Hạng mục hỗ trợ	Đơn giá			Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					Tổng giai đoạn 2018-2020	Nguồn vốn
					Số lượng				Thành tiền	Số lượng				Thành tiền	Số lượng				Thành tiền		
		cơ sở (hoặc liệu)	THT	HTX	liều	THT	HTX	DN/ cơ sở		liều	THT	HTX	DN/ cơ sở		liều	THT	HTX	DN/ cơ sở			
3	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi xây lắp hoặc lắp đặt công trình khí sinh học hoặc xử lý chất thải trong chăn nuôi	5						20	100				20	100				14	70	270	nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí lồng ghép khác
III	Hỗ trợ lãi suất tín dụng																		0		
	Hỗ trợ chênh lệch lãi suất cho vay Dự án đầu tư, hợp đồng mua bán nông sản	1.000					20		600			29		870			53		1.590	3.060	
IV	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường																		0		
1	Hỗ trợ kinh phí vé máy bay cho các HTX, doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài			20			5		100			5		100			5		100	300	
2	Hỗ trợ kinh phí gian hàng cho các HTX, doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong nước			10			5		50			5		50			5		50	150	
V	Hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao																				
1	Hỗ trợ kinh phí cải tiến trang thiết bị, dụng cụ hiện đại, nghiên cứu cải tiến, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp	1.000						1	1.000				1	1.000				1	1.000	3.000	
2	Hỗ trợ chi phí xây dựng nhà màng, nhà lưới cho các dự án sản xuất rau an toàn																				
	Nhà lưới	100						5	500				5	500				5	500	1.500	
	Nhà màng	300						5	1.500				5	1.500				5	1.500	4.500	
	Nhà kính	1.000						1	1.000				2	2.000				2	2.000	5.000	
	Tổng				4.000	6	260	36	42.970	5.000	3	244	36	37.515	3.000	0	88	27	12.245	92.730	

